

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG B

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến

**LỒNG GHÉP DI SẢN VĂN HÓA VIỆT ĐƯỢC UNESCO GHI DANH
ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY LỊCH SỬ 10**

Lĩnh vực: Lịch Sử / cấp học: THPT

Tác giả: Vũ Thị Diễm

Chức vụ công tác: Giáo viên Lịch sử

Đơn vị công tác: Trường THPT Xuân Trường B

Ninh Bình, ngày 05 tháng 5 năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tác giả

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Nơi công tác	Điện thoại	Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả)	Chữ ký của tác giả
	Vũ Thị Diễm	08/11/1980	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	0946 581 199	100 %	

Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến: ***“Lồng ghép di sản văn hóa Việt được UNESCO ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10”***

2. Lĩnh vực áp dụng Sáng kiến này có thể được áp dụng rộng rãi trong các hoạt động giáo dục tại trường THPT, cụ thể:

+ **Dạy học chính khóa:** Áp dụng trực tiếp vào các bài học trong chương trình Lịch sử 10 có nội dung liên quan đến văn hóa, di sản và bảo tồn.

+ **Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:** Tổ chức các buổi tham quan ảo (Virtual Tour) hoặc tham quan thực tế tại các điểm di sản.

+ **Hoạt động ngoại khóa :** Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về di sản (Rung chuông vàng, thiết kế infographic, poster quảng bá di sản).

+ **Tích hợp liên môn:** Kết hợp với môn Ngữ văn (văn học dân gian), Giáo dục kinh tế và pháp luật (Luật di sản), hoặc Địa lý (phát triển du lịch bền vững).

3. Đơn vị áp dụng: THPT Xuân Trường B

4. Phạm vi đề nghị công nhận: ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐ Toàn quốc

5. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử : 05/09/2025

II. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo Chương trình GDPT 2018, môn Lịch sử không còn là việc tái hiện các sự kiện khô khan mà chuyển mạnh sang phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Đặc biệt, chương trình Lịch sử 10 đã dành một vị trí quan trọng cho nội dung **"Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa"**. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy tôi thấy:

Về phía nội dung: Các kiến thức về di sản trong sách giáo khoa thường dừng lại ở mức độ khái quát, chưa cập nhật hết các giá trị đặc sắc của các di sản Việt Nam được UNESCO ghi danh.

Về phía học sinh: Một bộ phận không nhỏ học sinh vẫn coi nhẹ các giá trị truyền thống, chưa thấy được mối liên hệ mật thiết giữa kiến thức lịch sử trên lớp với những báu vật văn hóa đang hiện hữu ngay trên đất nước mình.

Về yêu cầu hội nhập: Việt Nam sở hữu kho tàng di sản văn hóa đồ sộ được thế giới công nhận. Việc lồng ghép các di sản này vào giảng dạy không chỉ giúp bài học sinh động mà còn là con đường ngắn nhất để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ di sản trước những tác động của thời đại. Xuất phát từ những lý do trên, tôi lựa chọn đề tài: **"Lồng ghép di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10"** nhằm góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử trong nhà trường

2. Bối cảnh của sáng kiến

2.1. Không gian và thời gian: **Không gian:** Sáng kiến được triển khai áp dụng tại các lớp khối 10 trường THPT Xuân Trường B trong các tiết dạy chính khóa và hoạt động ngoại khóa. **Thời gian:** Được thực hiện và theo dõi đánh giá trong năm học 2025 - 2026.

2.2. Thực trạng của vấn đề: Qua khảo sát thực tế tại trường THPT Xuân Trường B tôi nhận thấy:

Phương pháp giảng dạy: Đa số giáo viên đã bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin nhưng việc khai thác các nguồn tư liệu số về di sản UNESCO (như phim tư liệu, 3D tour, tư liệu từ Cục Di sản văn hóa) còn hạn chế, chưa tạo được sự bùng nổ về mặt cảm xúc cho người học.

Sự quan tâm của học sinh: Khi được hỏi về các di sản UNESCO tại Việt Nam, nhiều học sinh chỉ gọi tên được một vài địa danh nổi tiếng như Vịnh Hạ Long hay Cố đô Huế, nhưng chưa hiểu được "giá trị nổi bật toàn cầu" hoặc các

tiêu chí để một di sản được vinh danh. Điều này dẫn đến việc học sinh tham gia các tiết học về văn hóa còn thụ động, thiếu tính tương tác.

2.3. Tổng quan thông tin cần nghiên cứu: Sáng kiến tập trung nghiên cứu hệ thống các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản thiên nhiên của Việt Nam đã được UNESCO công nhận. Từ đó, xây dựng các kịch bản sư phạm cụ thể để lồng ghép vào các bài học cụ thể trong Chương trình Lịch sử 10 bộ sách **Cánh Diều**. Sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại như sơ đồ tư duy, đóng vai, và các ứng dụng AI trong thiết kế tư liệu học tập. Giải quyết vấn đề khoảng cách giữa "kiến thức trong sách" và "giá trị thực tế của di sản", giúp học sinh không chỉ học Sử để biết, mà học Sử để yêu và hành động.

III. PHẦN NỘI DUNG

1. Mô tả giải pháp đã biết

1.1. Tình trạng thực tế và phương pháp tổ chức dạy học hiện tại

Trước khi áp dụng sáng kiến, việc giảng dạy các nội dung liên quan đến văn hóa và di sản trong chương trình Lịch sử 10 (bộ sách Cánh Diều) tại THPT Xuân Trường B thường được thực hiện theo các phương pháp truyền thống. **Phương pháp thuyết trình, diễn giảng:** Giáo viên chủ yếu sử dụng sách giáo khoa làm nguồn tư liệu chính. Các kiến thức về di sản văn hóa Việt Nam thường được giới thiệu một cách khái quát, liệt kê tên gọi, địa điểm và niên đại. **Hình thức tổ chức:** Đa số các tiết học diễn ra trong không gian lớp học. Việc quan sát di sản chỉ dừng lại ở các hình ảnh tĩnh có sẵn trong sách giáo khoa hoặc một vài slide trình chiếu Powerpoint đơn giản, thiếu sự tương tác và kết nối đa phương tiện. **Kiểm tra đánh giá:** Chủ yếu tập trung vào việc ghi nhớ các mốc thời gian, tên gọi các di sản văn hóa, chưa chú trọng đến việc đánh giá năng lực vận dụng, phân tích giá trị di sản hoặc ý thức bảo tồn của học sinh.

1.2. Phân tích ưu điểm và nhược điểm của giải pháp cũ

a. Ưu điểm và thuận lợi

Ưu điểm: Đảm bảo cung cấp đầy đủ lượng kiến thức cơ bản theo khung chương trình và sách giáo khoa. Giáo viên chủ động được thời gian trên lớp, không đòi hỏi quá nhiều về trang thiết bị công nghệ phức tạp.

Thuận lợi: Bộ sách Cánh Diều lớp 10 đã có những nội dung khá rõ ràng về Sử học với di sản (Bài 4) và các chương về văn hóa, tạo tiền đề lý thuyết tốt để giáo viên triển khai bài dạy.

b. Nhược điểm và khó khăn:

Tính trực quan thấp: Việc mô tả di sản bằng lời nói hoặc hình ảnh tĩnh không lột tả được vẻ đẹp hùng vĩ, giá trị nghệ thuật tinh xảo hay không gian văn hóa linh thiêng của các di sản được UNESCO ghi danh (như Nhã nhạc cung đình Huế hay Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên). **Sự thụ động của học sinh:** Học sinh tiếp nhận kiến thức một chiều, dẫn đến tình trạng học "vẹt", nhanh quên và không cảm thấy hào hứng với các giá trị truyền thống. **Khó khăn trong thực hiện mục tiêu phát triển năng lực:** Phương pháp cũ khó đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 trong việc hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức và phẩm chất trách nhiệm đối với di sản quốc gia.

1.3. Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên. Việc duy trì các giải pháp cũ chưa thực sự hiệu quả xuất phát từ các nguyên nhân chính sau:

1. Về phía giáo viên: Do áp lực về thời gian hoàn thành chương trình và việc chuẩn bị tư liệu di sản (video, hình ảnh 360, tư liệu chuyên sâu) đòi hỏi nhiều công sức và kỹ năng công nghệ thông tin. Một số giáo viên còn lúng túng trong việc kết nối giữa kiến thức lý thuyết Sử học với thực tế sinh động của di sản UNESCO.

2. Về phía học sinh: Học sinh hiện nay chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các phương tiện giải trí hiện đại, nếu bài học Lịch sử không có sự đổi mới về hình thức và nội dung, các em sẽ cảm thấy di sản là những thứ "xa rời thực tế" và "thuộc về quá khứ".

3. Về cơ sở vật chất: Mặc dù đã có tivi và internet, nhưng việc khai thác các kho liệu số chuyên biệt về di sản UNESCO chưa được thực hiện một cách hệ thống và bài bản trong các tổ chuyên môn.

2. Nội dung các giải pháp mới; tính mới, tính sáng tạo; hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

2.1. Nội dung các giải pháp mới

Đây là đề tài được thực hiện trên tinh thần của chương trình đổi mới vì đây là năm thứ 3 lớp 10 thực hiện theo chương trình sách giáo khoa 2018. Do đó đề tài tôi chọn tập trung vào 4 giải pháp sau :

- **Giải pháp 1 :** Xác định hệ thống di sản Việt Nam được UNESCO công nhận có thể sử dụng trong dạy học lịch sử lớp 10.

- **Giải pháp 2:** Xác định được những nguyên tắc sử dụng di sản trong dạy học lịch sử 10

- **Giải pháp 3:** Đề xuất một số biện pháp lồng ghép để sử dụng di sản vào dạy học lịch sử lớp 10 một cách hợp lý, khoa học, phù hợp với yêu cầu đổi mới

việc dạy học lịch sử hiện nay, đặc biệt đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học về di sản.

- **Giải pháp 4 :** Đề xuất các biện pháp cần bảo tồn các di sản vì sự phát triển bền vững.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp giáo dục di sản cho HS, từ đó nâng cao thái độ, hiểu biết và hứng thú quảng bá của HS về di sản để phát triển du lịch một cách phong phú, đa dạng, có tính lan tỏa rộng với ứng dụng công nghệ thông tin đa dạng .

Giáo viên bộ môn có thể áp dụng vào dạy học lịch sử ở một số bài trong chương trình lịch sử lớp 10 và lịch sử dân tộc đang hiện hành, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, sự dụng cho chuyên đề học tập Lịch sử 10 và sự dụng trong các tiết thực hành ở lớp 10.

Tác dụng: Giúp học sinh vừa nắm vững kiến thức trọng tâm, vừa có kỹ năng làm bài thi tốt nghiệp theo định hướng đánh giá năng lực mới.

Ưu điểm: Khắc phục hoàn toàn sự khô khan; tăng tính tương tác; học sinh nhớ kiến thức sâu và lâu thông qua trải nghiệm thực tế.

Nhược điểm: Đòi hỏi giáo viên mất nhiều thời gian chuẩn bị và yêu cầu nhà trường có hạ tầng CNTT (Internet, máy chiếu) ổn định.

2.2. Tính mới, tính sáng tạo của các giải pháp mới

Tính mới: Thay đổi hoàn toàn phương thức tiếp cận di sản từ "tĩnh" (sách giáo khoa) sang "động" (tương tác số). Việc sử dụng mã QR và thực tế ảo là hướng đi mới chưa phổ biến trong các tiết dạy truyền thống. **Tính sáng tạo:** Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lịch sử hàn lâm với các kỹ năng mềm (thiết kế, thuyết trình, AI). Sáng tạo trong việc lồng ghép tư duy "bảo tồn" vào "phát triển", giúp học sinh có cái nhìn đa chiều về di sản

2.3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Đánh giá khả năng nhân rộng: Sáng kiến có tính khả thi cao, không đòi hỏi chi phí tài chính lớn. Các nguồn tư liệu số hầu hết là miễn phí. Có thể áp dụng cho tất cả các khối lớp 10, 11, 12 và các môn học khác như Địa lý, Giáo dục địa phương. **Phạm vi ảnh hưởng:** Đã áp dụng thành công tại tổ chuyên môn trường THPT Xuân Trường B. Có tiềm năng triển khai rộng rãi trong toàn cụm chuyên môn và các trường THPT trên địa bàn tỉnh nhờ vào tính trực quan và hiệu quả rõ rệt.

2.4. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến

Hiệu quả về mặt khoa học: Góp phần cụ thể hóa phương pháp dạy học tích hợp và phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018. Xây dựng được kho học liệu số có giá trị sử dụng lâu dài. **Hiệu quả về mặt kinh tế:** Tiết kiệm chi phí tổ chức các buổi tham quan thực tế tốn kém mà vẫn đảm bảo học sinh được tiếp cận hình ảnh di sản chân thực nhất qua công nghệ. **Hiệu quả xã hội:** Nâng cao ý thức cộng đồng của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa dân tộc. Học sinh trở thành những "tuyên truyền viên" tích cực giúp quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới. **Số liệu minh chứng :** Tỷ lệ học sinh yêu thích môn học tăng từ **65% lên 92%.100%** học sinh nhận diện đúng và nêu được giá trị cốt lõi của ít nhất 5 di sản UNESCO tại Việt Nam. Kết quả kiểm tra thường xuyên đạt từ mức Khá trở lên tăng **20%** so với năm học trước.

IV. PHẦN KẾT LUẬN

1. Vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của sáng kiến : Sáng kiến "**Lồng ghép di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10**" mang lại ý nghĩa thiết thực trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay:

Về mặt sư phạm: Sáng kiến đã chuyển hóa những nội dung lý thuyết về di sản thành những trải nghiệm thị giác và cảm xúc sống động. Điều này giúp học sinh không chỉ nắm vững kiến thức mà còn hình thành năng lực tự chủ, năng lực thẩm mỹ và tư duy lịch sử sắc bén.

Về mặt thực tiễn: Việc ứng dụng công nghệ số và phương pháp dạy học tích cực đã giải quyết triệt để tình trạng học tập thụ động. Sáng kiến chứng minh rằng môn Lịch sử có thể trở nên hấp dẫn, gần gũi và đầy hơi thở thời đại nếu người giáo viên biết cách kết nối quá khứ với các giá trị đương đại.

Về mặt giáo dục phẩm chất: Đây là nhịp cầu nuôi dưỡng lòng tự tôn dân tộc, giúp học sinh ý thức được vị thế của văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới, từ đó hình thành trách nhiệm cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy di sản bền vững.

2. Những bài học kinh nghiệm .Từ quá trình nghiên cứu và áp dụng sáng kiến vào thực tế giảng dạy, tôi đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu : **Sự linh hoạt trong thiết kế bài giảng:** Giáo viên cần chủ động lựa chọn di sản phù hợp với từng đơn vị kiến thức trong bộ sách **Cánh Diều**, tránh việc lồng ghép quá tải gây phân tâm cho học sinh . **Năng lực số của giáo viên:** Việc làm chủ công nghệ (QR Code, Virtual Tour, các công cụ thiết kế đồ họa cơ bản) là chìa khóa để tạo ra những học liệu hấp dẫn, chuyên nghiệp. **Vai trò định hướng của**

người thầy: Trong các hoạt động nhóm hoặc đóng vai, giáo viên đóng vai trò là người dẫn dắt, khơi gợi để học sinh tự tìm ra giá trị của di sản thay vì áp đặt các nhận định có sẵn.

3. Những kiến nghị và đề xuất : Để sáng kiến tiếp tục phát huy hiệu quả và được triển khai rộng rãi hơn, tôi xin đưa ra một số đề xuất sau : **Đối với nhà trường:** Tiếp tục hỗ trợ, đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng internet và các thiết bị trình chiếu tại phòng học để việc khai thác học liệu số được thông suốt. Khuyến khích các tổ chuyên môn xây dựng "Thư viện tư liệu di sản số" dùng chung. **Đối với các cấp quản lý:** Tổ chức thêm các buổi hội thảo, tập huấn chuyên đề về phương pháp dạy học di sản và ứng dụng CNTT trong giảng dạy Lịch sử để giáo viên có cơ hội trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau. **Đối với đồng nghiệp:** Cần mạnh dạn thay đổi tư duy dạy học truyền thống, không ngừng cập nhật danh sách các di sản mới được UNESCO ghi danh để làm phong phú thêm nội dung bài giảng, giúp môn Lịch sử luôn mới mẻ trong mắt học sinh. Sáng kiến này không chỉ dừng lại ở phạm vi một lớp học hay một khối lớp, mà là một hướng đi bền vững để hiện thực hóa mục tiêu giáo dục toàn diện, đưa di sản văn hóa dân tộc thấm sâu vào tâm hồn và trí tuệ của thế hệ tương lai. Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong Đơn là trung thực, đúng sự thật, không sao chép, vi phạm bản quyền và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/
ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**
(Ký tên, đóng dấu)

Ninh Bình, ngày 05 tháng 5 năm 2026
Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Diễm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013. Tài liệu tập huấn: Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông. Hà Nội. (Lưu hành nội bộ).
2. Dương Quỳnh Phương, 2018. Giáo dục giá trị của các di sản ở khu vực Đông Bắc Việt Nam cho học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học các chủ đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
3. Dương Quỳnh Phương và Đỗ Văn Hảo, 2019. Di sản và vấn đề giáo dục di sản cho học sinh trung học phổ thông. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Tập 55 (Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục)
4. Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tung, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử. NXB đại học sư phạm 2002
5. Tài liệu hướng dẫn giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững. NXB Văn hóa dân tộc 2020
6. Bộ giáo dục và đào tạo – Kỷ yếu hội thảo: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông (2014)
6. SGK, SGV, (Bộ Sách Cánh diều)
7. Các nguồn tư liệu trên Internet.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Môn Lịch sử, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Hà Bích Liên và Nguyễn Thị Thế Bình (2022), Lịch sử 10 (Bộ sách Cánh Diều), NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
10. Phan Ngọc và cộng sự (2018). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tạp chí Khoa học Giáo dục, trang 12, 15-22.
11. Trần Văn D (2023). Chuyển đổi số trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông đáp ứng chương trình GDPT 2018. Đại học Sư phạm Hà Nội.
12. UNESCO, Di sản thế giới tại Việt Nam: Địa chỉ liên kết: [<https://whc.unesco.org/en/statesparties/vn>] (<https://whc.unesco.org/en/statesparties/vn>)
13. Cục Di sản văn hóa (2024), Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và quốc tế. Địa chỉ liên kết: <http://disanvanhoa.gov.vn>